

Bản án số: 123/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 21/3/2025  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên; Bà Phạm Thị Thà.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**  
Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 701/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2025 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Yến N**; sinh năm 1999;

ĐKHKTT: Thôn C, xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương;

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương.

**- Bị đơn:** Anh **Vũ Xuân T**, sinh năm 1999;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn C, xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản.

Các đương sự đều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn, biên bản ghi lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Yến N trình bày: Chị và anh Vũ Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương ngày 09/02/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau

được một thời gian ngắn thì anh T đi lao động tại Nhật Bản, thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc với nhau. Đến đầu năm 2023, chị và anh T xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính cách, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình nhiều lần khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Tháng 6/2023 chị về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó chị và anh T không còn liên lạc, không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Xuân T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Vũ Mỹ A, sinh ngày 27/12/2022, hiện con đang ở với chị, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 3.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc bận nên chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

*Người làm chứng ông Vũ Xuân T1 trình bày:* Ông là bố đẻ anh Vũ Xuân T. Chị N và anh T kết hôn năm 2022, sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại gia đình ông được khoảng 7 tháng thì anh T đi lao động tại Nhật Bản. Thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc với nhau bình thường, sau đó có nảy sinh mâu thuẫn, kể từ tháng 12/2023 chị N đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống cho đến nay. Gia đình nhiều lần nói chuyện khuyên bảo để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Anh T sang lao động tại Nhật Bản đến nay chưa về nước, anh vẫn thường xuyên liên lạc với ông qua điện thoại nhưng không cho ông biết địa chỉ cụ thể. Nay chị N làm đơn để giải quyết việc ly hôn, ông nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh T biết, anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài không thể hòa hợp được nên anh nhất trí ly hôn. Anh T xác định vợ chồng có 01 con chung như chị N trình bày là đúng. Do cháu A còn nhỏ nên anh nhất trí để chị N tiếp tục được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi và tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 3.000.000đ/tháng; tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Theo xác minh tại Phòng quản lý xuất nhập cảnh: Anh Vũ Xuân T đã xuất cảnh ngày 25/5/2024, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết

vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử cho chị Nguyễn Thị Yến N ly hôn anh Vũ Xuân T; về con chung: giao con chung Vũ Mỹ A, sinh ngày 27/12/2022 cho chị Nguyễn Thị Yến N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 3.000.000đ/tháng, kể từ tháng 3/2025 cho đến khi con đủ 18 tuổi; chị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định, anh T phải chịu án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Vũ Xuân T có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn C, xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương, hiện anh đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Yến N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn anh Vũ Xuân T đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Yến N và anh Vũ Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương ngày 09/02/2022 là hôn nhân hợp pháp. Chị N trình bày quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp về tính cách, quan điểm sống. Năm 2022 anh T đi lao động tại Nhật Bản, thời gian đầu vợ chồng có liên lạc với nhau nhưng sau đó nảy sinh nhiều mâu thuẫn, không còn liên lạc và quan tâm đến nhau nữa. Đến nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T. Anh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc. Ông Vũ Xuân T1 là bố đẻ anh T trình bày về mâu thuẫn của anh T, chị N phù hợp với lời khai của chị N. Do đó đủ cơ sở xác định quá trình chị N, anh T chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc với nhau nữa. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N, anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn

cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh T.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Yến N và anh Vũ Xuân T có 01 con chung là Vũ Mỹ A, sinh ngày 27/12/2022. Chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 3.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Vũ Xuân T1 là bố đẻ của anh T trình bày, anh T nhất trí quan điểm của chị N về việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Xét thấy cháu Vũ Mỹ A dưới 36 tháng tuổi và hiện nay đang ở cùng chị N. Chị N đảm bảo được các điều kiện để nuôi con. Anh T đang lao động ở nước ngoài nên không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con chung. Do đó chấp nhận yêu cầu chị N, giao con chung Vũ Mỹ A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và Gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn chính đáng nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N, buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000đ/tháng, kể từ tháng 03/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Yến N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật; anh Vũ Xuân T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Yến N, xử cho chị Nguyễn Thị Yến N ly hôn anh Vũ Xuân T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Vũ Mỹ A, sinh ngày 27/12/2022 cho chị Nguyễn Thị Yến N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Vũ Xuân T phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 3.000.000đ/tháng, kể từ tháng 03/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con chung, không ai được ngăn cản.

*Kể từ khi chị N có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà anh T không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Yến N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0005447 ngày 27 tháng 12 năm 2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, chị N đã thực hiện xong nghĩa vụ.

Anh Vũ Xuân T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**( Đã ký)**

**Đoàn Thị Thu Thúy**